

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 611/2017/HSPT

Ngày: 28/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hà

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Tuấn Anh.
2. Bà Quách Thanh Bình.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Bà Bùi Quỳnh Chi - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số
529/2017/HSPT ngày 05/10/2017 đối với Bùi Văn H do có kháng cáo của
bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 132/2017/HSST ngày 17/8/2017
của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Văn H (tên gọi khác: C); giới tính: nam; sinh ngày: 05/5/1995 tại:
Trà Vinh; nơi đăng ký HKTT: Ấp N, xã TB, huyện CL, tỉnh Trà Vinh; tạm
trú: Ấp T, xã PD, huyện NT, tỉnh Đồng Nai; trình độ văn hóa: 7/12; nghề
nghiệp: công nhân; con ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ Ch; hoàn
cảnh gia đình: chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không có; bị bắt tạm giữ từ
ngày 26/10/2016 đến ngày 04/11/2016 và bắt tạm giam từ ngày 04/7/2017
đến nay (có mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có 01 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NHẬN THẤY

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 và bản án sơ
thẩm của Tòa án nhân dân Quận 7 thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Việt T là cháu gái và thường xuyên tới nhà dì ruột là bà Đỗ Thị
Mỹ H chơi nên biết bà H có nhiều nữ trang cất trong tủ. Do cần tiền tiêu xài
nên T lên kế hoạch và rủ Bùi Văn H là bạn trai cùng lấy trộm tài sản của bà
H.

Ngày 12/10/2016, H chở T tới nhà bà H tại đường T, phường M, Quận N. Tại đây, T lén lấy chìa khóa nhà bà H và đi làm chìa khóa phụ, cất giữ sau đó tiếp tục quay lại nhà bà H chơi, riêng H về nhà ở NT, Đồng Nai.

Khoảng 09 giờ ngày 15/10/2016, T rủ bà H đi cùng tới siêu thị L để nộp hồ sơ xin việc. Trên đường đi, T giả vờ nghe điện thoại rồi nói dối là để quên thẻ ATM ở nhà nói bà H đứng chờ để T quay về nhà lấy. Bà H tin lời nên đứng chờ và đưa xe cho T quay lại. Khi về nhà T dùng chìa khóa phụ vào phòng ngủ bà H lấy trộm: 02 dây chuyền vàng, 01 lượng vàng 9999, 01 lắc vàng, 07 vòng simen vàng, 02 chiếc nhẫn, 02 bông tai vàng và tiền mặt 7.000.000 đồng. T giữ tiền mặt còn trang sức cho vào bọc nylon cột lại và để trên nóc tủ lạnh sau đó khóa cửa lại và để chìa khóa dưới gốc cây kiểng trước nhà đồng thời điện thoại cho H chỉ nơi cất giấu chìa khóa và vàng. Lúc này, H đã chờ sẵn tại quán cà phê gần nhà nên phối hợp thực hiện, riêng T tiếp tục quay lại chở bà H đến siêu thị nhằm kéo dài thời gian cho H thực hiện. Khi H lấy vàng xong điện thoại báo cho T biết, lúc này T nói với bà H không tìm được người nhận hồ sơ nên cả hai đi về. Khi về đến nhà bà H phát hiện mất trộm tài sản nên đến Công an trình báo, lúc này T cũng xin phép bà H về nhà.

Tài sản trộm cắp được, T và H đem bán 01 chiếc lắc vàng được 11.000.000 đồng, tiêu xài hết 4.000.000 đồng, còn 7.000.000 đồng T đưa H cất giữ.

Ngày hôm sau, T về nhà cha mẹ ruột tại Vĩnh Long, tại đây T tiếp tục bán 01 sợi dây chuyền được 63.800.000 đồng, T tiêu xài hết 10.800.000 đồng, mua 05 nhẫn vàng hết 33.000.000 đồng, gửi mẹ ruột là bà Võ Thị Kim Phúc 20.000.000 đồng. Số vàng còn lại, T đưa H đem về cất giữ tại phòng trọ của T và H.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 132/2017/HSST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân Quận B đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 138; Điều 20; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo: Bùi Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2017, được khấu trừ thời hạn tạm giữ trước từ ngày 26/10/2016 đến ngày 04/11/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt đối với Huỳnh Việt T, về án phí, xử lý về vật chứng và quyền kháng cáo.

Ngày 22/8/2017, Bùi Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, Bùi Văn H khai nhận bị cáo và Huỳnh Việt T cùng làm công nhân tại khu công nghiệp N, cả hai thuê phòng trọ và sống chung từ đầu năm 2016. Khoảng đầu tháng 10/2016, T rủ bị cáo cùng lấy trộm nữ trang của bà Đỗ Thị Mỹ H là dì ba của T để lấy tiền tiêu xài và trả nợ cho T. Lúc đầu bị cáo không đồng ý nhưng vì T năn nỉ nên bị cáo đồng ý thực hiện theo kế hoạch của T. Sau khi T làm chìa khóa dự phòng, gom nữ trang để sẵn thì bị cáo vào lấy đi theo hướng dẫn của T để mọi người không nghi ngờ T. Trong số nữ trang trộm cắp được, T bán lấy tiền mua nữ trang cho bản thân và một số vật dụng cho cha mẹ T, phần còn lại cất giấu tại nhà trọ, bị cáo không sử dụng để tiêu xài cá nhân, đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được trở về chăm sóc cha mẹ vì bị cáo là con trai duy nhất trong gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm kết luận cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội. Mức hình phạt đã tuyên là thỏa đáng, không có cơ sở và tình tiết mới để xem xét đơn kháng cáo của bị cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định là hợp lệ.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là xét xử đúng người, đúng tội.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cân nhắc giữa bị cáo và Huỳnh Việt T có mối quan hệ tình cảm, vì cả nể mà thực hiện hành vi giúp sức cho T chiếm đoạt tiền, vàng của người bị hại. Trong vụ án này, Huỳnh Việt T là người chủ mưu vạch kế hoạch và lôi kéo H cùng thực hiện, toàn bộ tài sản chiếm đoạt được T lấy sẵn từ trước, quá trình điều tra T cũng thừa nhận một mình T hoàn toàn có thể thực hiện việc trộm cắp tài sản, việc để H vào nhà người bị hại lấy tài sản đi theo chỉ dẫn của T chỉ nhằm mục đích để gia đình người bị hại cũng là người thân của T không nghi ngờ đối với đối tượng này. Cũng cần phân tích thêm, trong số tài sản chiếm đoạt, một phần được T sử dụng vào mục đích cá nhân, phần còn lại vẫn cất giữ tại phòng trọ của T và H, bản thân H chưa hưởng lợi. Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo H có phần hạn chế, tài sản trộm cắp đã được thu hồi và người bị hại cũng có đơn bãi nại xin không xử lý hình sự đối với bị cáo. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình có ông bà nội công hiến cho sự nghiệp cách mạng hiện đang hưởng chế độ thương binh nên xét không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn H. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo **Bùi Văn H (C)** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 138; Điều 20; Điều 53; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo: **Bùi Văn H (C)** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 5 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao cho bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện NT, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 4 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo H, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Quận 7; (1)
- Chi cục THA Quận 7; (1)
- TAND Quận 7; (2)
- Công an Quận 7; (1)
- Trại giam, bị cáo; (2)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ. (20) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hà